

Quyết định tái thẩm

Số: 24/2024/DS-TT

Ngày 09-5-2024

Về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Thanh Liêm.

Các Thẩm phán: ông Lê Tụ và ông Nguyễn Văn Tào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhị Tú - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lưu Trường S**, sinh năm 1964 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Nhà số H L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú cuối cùng: Nhà số A L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 14-12-2017, ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T có cho bà Nguyễn Thị T1 vay 500.000.000 đồng để kinh doanh, thời hạn trả nợ là 02 tháng; ngày 25-01-2018, ông S, bà T tiếp tục cho bà T1 vay 750.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 06 tháng và bà T1 thế chấp cho ông S, bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 114159 ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết . Các bên có lập Giấy mượn tiền (viết tay), không có thỏa thuận về lãi suất.

Để tạo niềm tin, bà Nguyễn Thị T1 đã giao cho ông, bà giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 114159 ngày 13-7-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết . Khi đến thời hạn trả nợ mặc dù ông, bà đã nhiều lần yêu cầu, nhưng bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà cố tình trốn tránh. Đến tháng 02-2018, do vay mượn tiền của nhiều người nhưng không trả được nên bà T1 đã bỏ trốn. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần cho ông, bà tổng số tiền đã vay là 1.250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ như niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 27-9-2018, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T số tiền là 1.250.000.000 đồng.

2. Ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết G chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 114159 ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T1, sau khi bà T1 thanh toán xong khoản nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22-9-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Đà Nẵng có Văn bản kiến nghị số 680/CV-CSĐT (ĐTTH) đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, với lý do: *Tại Kết luận giám định số 20/GĐ-TL ngày 08-5-2019, Phòng K - Công an thành phố Đ kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 114159 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 13-7-2017 đứng tên bà Nguyễn Thị T1 là giả, không do cơ quan có thẩm quyền cấp nên hành vi của bà T1 là sử dụng Giấy chứng nhận giả, nhằm tạo lòng tin để vay mượn tiền của ông S, bà T có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.*

- Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 04/2024/KN-DS ngày 27-3-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 27-9-2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 04/2024/KN-DS ngày 27-3-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại Giấy đề ngày 14-12-2017 (bút lục số 16) thể hiện, bà Nguyễn Thị T1 vay của bà Trần Thị T 500.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng và Giấy mượn tiền đề ngày 25-01-2018 (bút lục số 17 và số 18), bà Nguyễn Thị T1 vay của ông Lưu Trường S, bà Trần Thị T 750.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng; đồng thời, bà Nguyễn Thị T1 thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 114159 ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T1 để làm tin. Tuy nhiên, khi hết hạn trả nợ, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ; mặc dù, ông S và bà T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Do đó, ông S và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 phải trả tổng số tiền đã vay là 1.250.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 vắng mặt (đã được Tòa án tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Lưu Trường S, bà Trần Thị T số tiền 1.250.000.000 đồng; đồng thời, buộc ông S, bà T có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1, sau khi bà T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[2]. Quá trình tổ chức thi hành bản án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận C, thành phố Đà Nẵng đã phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 114159 ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T1 có dấu hiệu bị làm giả. Trên cơ sở đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành trưng cầu giám định đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

[3]. Tại Kết luận giám định số 20/GĐ-TL ngày 08-5-2019, Phòng K Công an thành phố Đ kết luận: *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 114159 ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T1 (Giấy do bà T1 giao cho bà T giữ làm tin) không phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền ban hành, ký và cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết .*

[4]. Theo các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Đà Nẵng thu thập thể hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 114159 ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ (bản thật) cấp cho ông Nguyễn Trọng H, bà Trương Thị D (là cha mẹ của bà T1) đối với thửa đất số 248, tờ bản đồ số 38, tại tổ B phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ngày 09-01-2018, ông H, bà D tặng cho bà Nguyễn Thị Tuyết t đất này; cùng ngày, bà T1 đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giao cho bà Mai Lan A (trú tại phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng) cầm cố để vay 1.000.000.000 đồng; ngày 24-01-2018, cơ quan có thẩm quyền đã đăng ký biến động thửa đất sang tên bà Nguyễn Thị T1 và bà Mai Lan A đã cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này; ngày 26-01-2018, bà T1 yêu cầu bà Mai Lan A đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản thật) đến Văn phòng Công chứng để thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất cho ông Nguyễn Phú Q và bà Nguyễn Thị Phương H1, sau đó bà T1 đã trả số tiền nợ cho bà A và ngày 01-3-2018, thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động sang tên ông Nguyễn Phú Q và bà Nguyễn Thị Phương H1.

[5]. Như vậy, thửa đất số 248, tờ bản đồ số 38, tại tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đã được bà Nguyễn Thị T1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú Q và bà Nguyễn Thị Phương H1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này (Giấy chứng nhận thật) đã được cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động sang tên ông Q, bà H1 ngày 01-3-2018. Tuy nhiên, để được bà Trần Thị T cho vay thêm 750.000.000 đồng, bà T1 đã có hành vi gian dối là làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 114159 ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T1 rồi đưa cho bà T để vay tiền của bà T và sau khi vay được 750.000.000 đồng, bà T1 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Do đó, phần tài sản thế chấp đã tuyên trong bản án dân sự sơ thẩm nói trên không thể thi hành án được.

[6]. Quá trình giải quyết vụ án dân sự, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng không biết và không thể biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 114159 ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T1 là giả; đồng thời, bà T1 cũng không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể biết khi ban hành bản án dân sự nêu trên.

[7]. Từ những chứng cứ phân tích và nhận định trên thấy rằng, kháng nghị số 04/2024/KN-DS ngày 27-3-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử tái thẩm chấp nhận kháng nghị, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 27-9-2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình thu thập chứng cứ, nếu có đủ căn cứ xác định hành vi của bà Nguyễn

Thị T1 có dấu hiệu của tội phạm hình sự thì chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra xem xét theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết kháng nghị tái thẩm số 04/2024/KN-DS ngày 27-3-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 27-9-2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Lưu Trường S, bà Trần Thị T với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết .

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng tái thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II-Tòa án nhân dân tối cao ;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận C;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C;
- Cục Thi hành án dân sự quận C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP (VP); Phòng GDKT về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm

